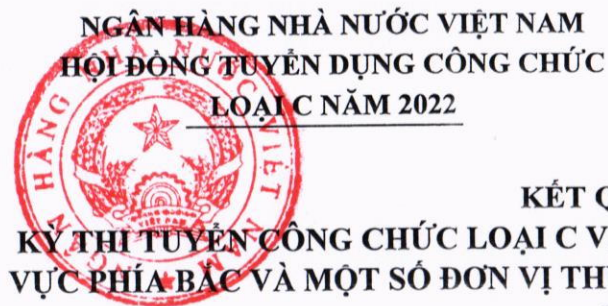




KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2
KỶ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU
VỰC PHÍA BẮC VÀ MỘT SỐ ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG (CƠ QUAN THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN
HÀNG, CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN) NĂM 2022

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
	NHNN CHI NHÁNH THANH HÓA											
1	NV0275	Lê Thị Tú	Anh		18-01-1999	Thanh Hóa	35/60	22/30	Đạt	Bàn 1	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Thứ Bảy, ngày 01/10/2022
2	NV0277	Lê Trịnh Quế	Anh		05-05-1999	Thanh Hóa	30/60	29/30	Đạt			
3	NV0278	Lê Thị Ngọc	Anh		27-9-1993	Thanh Hóa	32/60	24/30	Đạt			
4	NV0280	Lê Ngọc	Ánh		11-11-1994	Thanh Hóa	33/60	23/30	Đạt			
5	NV0281	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		10-6-1988	Thanh Hóa	33/60	24/30	Đạt			
6	NV0283	Lê Minh	Châu		22-11-1999	Thanh Hóa	37/60	26/30	Đạt			
7	NV0285	Nguyễn Mai	Chi		15-03-1998	Thanh Hóa	34/60	21/30	Đạt			
8	NV0291	Nguyễn Thị	Duyên		17-5-1995	Thanh Hóa	33/60	16/30	Đạt			
9	NV0293	Lê Hoàng	Giang	01-8-1992		Thanh Hóa	43/60	27/30	Đạt			
10	NV0294	Lê Thị Trà	Giang		14-03-1996	Thanh Hóa	31/60	15/30	Đạt			
11	NV0295	Nguyễn Thị	Hà		06-05-1992	Thanh Hóa	37/60	25/30	Đạt			
12	NV0296	Lương Thị	Hà		30-4-1989	Thanh Hóa	41/60	22/30	Đạt			
13	NV0298	Nguyễn Thị	Hà		04-5-1988	Thanh Hóa	38/60	Miễn	Đạt			
14	NV0299	Nguyễn Thị Nga	Hải		10-02-1998	Thanh Hóa	37/60	21/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
15	NV0300	Nguyễn Hoàng Hải	02-09-1993		Thanh Hóa	33/60	22/30	Đạt	Bàn 1	Ca 2 từ 09h00 - 11h30	Thứ Bảy, ngày 01/10/2022
16	NV0303	Đặng Thu Hằng		10-11-1989	Thanh Hóa	35/60	18/30	Đạt			
17	NV0306	Lê Thị Như Hậu		03-02-1990	Thanh Hóa	51/60	26/30	Đạt			
18	NV0310	Bùi Thị Hiếu		20-11-1988	Thanh Hóa	47/60	24/30	Đạt			
19	NV0311	Nguyễn Thị Hoa		29-08-1996	Thanh Hóa	37/60	22/30	Đạt			
20	NV0313	Đỗ Văn Hoàn	09-01-1995		Thanh Hóa	53/60	30/30	Đạt			
21	NV0314	Phạm Thanh Hoàng	08-11-1999		Thanh Hóa	41/60	24/30	Đạt			
22	NV0315	Lê Thị Hồng		15-11-1988	Thanh Hóa	41/60	24/30	Đạt			
23	NV0316	Lê Quang Huy	28-12-1997		Thanh Hóa	35/60	24/30	Đạt			
24	NV0317	Hoàng Ngọc Huyền		04-02-1999	Thanh Hóa	31/60	25/30	Đạt			
25	NV0318	Lê Thị Khánh Huyền		31-10-2000	Thanh Hóa	40/60	27/30	Đạt			
26	NV0319	Trương Thị Huyền		07-9-1985	Thanh Hóa	33/60	24/30	Đạt			
27	NV0320	Phạm Thị Huyền		08-01-1990	Thanh Hóa	42/60	20/30	Đạt			
28	NV0321	Bùi Phương Huyền		20-8-2000	Thanh Hóa	34/60	15/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 01/10/2022
29	NV0322	Nguyễn Thị Mai Hương		09-04-1989	Thanh Hóa	43/60	23/30	Đạt			
30	NV0323	Chu Thùy Linh		17-08-1994	Thanh Hóa	35/60	26/30	Đạt			
31	NV0324	Lê Bá Đức Linh		13-5-1996	Thanh Hóa	32/60	20/30	Đạt			
32	NV0325	Nguyễn Thị Linh		08-12-1992	Thanh Hóa	40/60	28/30	Đạt			
33	NV0326	Cao Khánh Linh		01-8-1999	Thanh Hóa	33/60	22/30	Đạt			
34	NV0327	Nguyễn Khánh Linh		23-10-1998	Thanh Hóa	34/60	15/30	Đạt			
35	NV0331	Lê Nguyễn Khánh Linh		24-11-1999	Thanh Hóa	38/60	23/30	Đạt			
36	NV0332	Trần Thu Linh		12-10-1994	Thanh Hóa	31/60	22/30	Đạt			
37	NV0333	Nguyễn Tuấn Long	11-3-1990		Thanh Hóa	35/60	19/30	Đạt			
38	NV0335	Đào Thanh Mai		06-12-1999	Thanh Hóa	31/60	Miễn	Đạt			
39	NV0336	Trịnh Thị Ánh Mai		18-02-2000	Thanh Hóa	32/60	19/30	Đạt			
40	NV0337	Lê Thị Mai		10-04-1993	Thanh Hóa	30/60	19/30	Đạt			
41	NV0338	Trịnh Hoàng Mai		21-03-2001	Thanh Hóa	31/60	Miễn	Đạt			
42	NV0339	Hồ Khắc Minh	19-6-1996		Thanh Hóa	35/60	16/30	Đạt			
43	NV0342	Nguyễn Thị Ngà		03-11-1989	Thanh Hóa	35/60	24/30	Đạt			
44	NV0343	Mai Danh Ngọc	16-02-1992		Thanh Hóa	38/60	25/30	Đạt			

[illegible]

SLP

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
45	NV0345	Trần Văn	Ngọc	24-10-1997		Thanh Hóa	43/60	23/30	Đạt	Bàn 2	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Thứ Bảy, ngày 01/10/2022
46	NV0347	Lại Thanh	Nhàn		12-06-2000	Thanh Hóa	39/60	26/30	Đạt			
47	NV0349	Dương Thị Hồng	Nhung		04-6-1995	Thanh Hóa	38/60	21/30	Đạt			
48	NV0350	Trịnh Anh	Pháp	12-02-1989		Thanh Hóa	43/60	24/30	Đạt			
49	NV0352	Nguyễn Hà	Phuong		27-11-1994	Thanh Hóa	38/60	27/30	Đạt			
50	NV0354	Đỗ Thị	Phuong		23-7-1995	Thanh Hóa	30/60	18/30	Đạt			
51	NV0358	Lê Thị Thúy	Quỳnh		15-8-1994	Thanh Hóa	42/60	28/30	Đạt			
52	NV0362	Phạm Hữu	Son	26-10-1991		Thanh Hóa	31/60	19/30	Đạt			
53	NV0363	Trịnh Thị	Tâm		23-08-1993	Thanh Hóa	32/60	17/30	Đạt			
54	NV0364	Lê Thị Thanh	Tâm		08-03-1992	Thanh Hóa	42/60	22/30	Đạt			
55	NV0365	Vũ Xuân	Tâm		30-4-1991	Thanh Hóa	36/60	Miễn	Đạt			
56	NV0366	Nguyễn Thị	Tâm		23-07-1987	Thanh Hóa	39/60	21/30	Đạt			
57	NV0367	Nguyễn Hữu	Tiến	02-09-1991		Thanh Hóa	30/60	19/30	Đạt			
58	NV0370	Lê Thị	Thanh		19-01-2000	Thanh Hóa	32/60	17/30	Đạt			
59	NV0371	Đỗ Duy	Thanh	10-6-1987		Thanh Hóa	35/60	18/30	Đạt	Bàn 2	Ca 2 từ 09h00 - 11h30	Thứ Bảy, ngày 01/10/2022
60	NV0372	Lê Đình	Thành	05-12-1992		Thanh Hóa	45/60	25/30	Đạt			
61	NV0374	Mai Phương	Thảo		21-03-1999	Thanh Hóa	30/60	25/30	Đạt			
62	NV0379	Nguyễn Thị	Thùy		14-06-1990	Thanh Hóa	42/60	Miễn	Đạt			
63	NV0381	Lê Thu	Thùy		02-06-1994	Thanh Hóa	35/60	26/30	Đạt			
64	NV0382	Nguyễn Thị	Thúy		03-02-1991	Thanh Hóa	44/60	23/30	Đạt			
65	NV0385	Bùi Thị Mai	Thương		06-12-1995	Thanh Hóa	30/60	21/30	Đạt			
66	NV0387	Nguyễn Thu	Trang		29-08-1993	Thanh Hóa	45/60	28/30	Đạt			
67	NV0389	Lê Thu	Trang		15-6-2000	Thanh Hóa	34/60	26/30	Đạt			
68	NV0390	Vũ Huyền	Trang		15-10-1996	Thanh Hóa	33/60	23/30	Đạt			
69	NV0395	Lê Thị Thu	Trang		08-02-1994	Thanh Hóa	38/60	23/30	Đạt			
70	NV0399	Lê Thị Thanh	Vân		23-08-1998	Thanh Hóa	33/60	25/30	Đạt			
71	NV0402	Lê Bình	Yên	07-10-1997		Thanh Hóa	39/60	20/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
72	NV0279	Đỗ Thị Vân	Anh		23-8-1994	Thanh Hóa	21/60		Không đạt			
73	NV0284	Vũ Thị Linh	Chi		23-07-1999	Thanh Hóa	26/60	Miễn	Không đạt			
74	NV0287	Nguyễn Thị Kim	Dung		07-03-1985	Thanh Hóa	27/60	10/30	Không đạt			
75	NV0289	Bùi Thùy	Dung		08-01-1995	Thanh Hóa	28/60	12/30	Không đạt			
76	NV0297	Lê Thu	Hà		13-3-1997	Thanh Hóa	22/60		Không đạt			
77	NV0307	Đào Thị	Hiền		28-12-1995	Thanh Hóa	27/60		Không đạt			
78	NV0312	Nguyễn Thị Khánh	Hòa		19-12-1992	Thanh Hóa	29/60	27/30	Không đạt			
79	NV0329	Phan Mỹ	Linh		07-12-1996	Thanh Hóa	21/60	20/30	Không đạt			
80	NV0348	Lê Thị	Nhung		13-10-1997	Thanh Hóa	29/60	19/30	Không đạt			
81	NV0353	Trần Minh	Phuong		06/09/1999	Thanh Hóa	25/60	29/30	Không đạt			
82	NV0357	Lê Như	Quỳnh		17-02-1996	Thanh Hóa	29/60	24/30	Không đạt			
83	NV0377	Nguyễn Thị Hoài	Thu		21-12-1996	Thanh Hóa	26/60	11/30	Không đạt			
84	NV0380	Lê Thị Thu	Thùy		21-01-2000	Thanh Hóa	22/60	16/30	Không đạt			
85	NV0400	Nguyễn Thị	Vân		20-02-1992	Thanh Hóa	28/60	9/30	Không đạt			
86	NV0274	Đỗ Thị Vân	Anh		23-12-2000	Thanh Hóa			Vắng			
87	NV0276	Nguyễn Tuấn	Anh	26-01-1996		Thanh Hóa			Vắng			
88	NV0282	Lê Mạnh	Cường	05-02-1997		Thanh Hóa			Vắng			
89	NV0286	Lê Thùy	Chi		01-05-1992	Thanh Hóa			Vắng			
90	NV0288	Trịnh Thị	Dung		19-5-1993	Thanh Hóa			Vắng			
91	NV0290	Phạm Ngọc	Dũng	09-08-1990		Thanh Hóa			Vắng			
92	NV0292	Dương Khắc	Đông	15-10-1994		Thanh Hóa			Vắng			
93	NV0301	Đỗ Thị	Hạnh		16-08-1987	Thanh Hóa			Vắng			
94	NV0302	Lê Thanh	Hằng		31-07-1993	Thanh Hóa			Vắng			
95	NV0304	Nguyễn Thị Thu	Hằng		13-5-1994	Thanh Hóa			Vắng			
96	NV0305	Nguyễn Thị	Hằng		19-01-1999	Thanh Hóa			Vắng			
97	NV0308	Nguyễn Thị	Hiền		03-3-1995	Thanh Hóa			Vắng			
98	NV0309	Lê Thu	Hiền		18-03-1990	Thanh Hóa			Vắng			
99	NV0328	Trần Thị	Linh		13-12-1995	Thanh Hóa			Vắng			
100	NV0330	Lại Hoàng Trúc	Linh		25-03-1995	Thanh Hóa			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
101	NV0334	Lê Văn	Luân	23-05-1986		Thanh Hóa			Vắng			
102	NV0340	Trịnh Thị	Minh		17-04-1998	Thanh Hóa			Vắng			
103	NV0341	Phạm Thị	Nga		28-11-1991	Thanh Hóa			Vắng			
104	NV0344	Lương Thị Hồng	Ngọc		28-9-1994	Thanh Hóa			Vắng			
105	NV0346	Lê Diệu	Ngọc		28-02-1996	Thanh Hóa			Vắng			
106	NV0351	Nguyễn Hoàng Hà	Phương		18-12-1991	Thanh Hóa			Vắng			
107	NV0355	Trần Thị	Phương		01-12-1996	Thanh Hóa			Vắng			
108	NV0356	Trịnh Thị	Quỳnh		28-01-1999	Thanh Hóa			Vắng			
109	NV0359	Nguyễn Thị	Quỳnh		22-05-1998	Thanh Hóa			Vắng			
110	NV0360	Mai Thị	Sen		22-9-1988	Thanh Hóa			Vắng			
111	NV0361	Lê Thị Hồng	Son		29-7-1980	Thanh Hóa			Vắng			
112	NV0368	Lê Thị	Tuyết		02-09-1995	Thanh Hóa			Vắng			
113	NV0369	Vũ Xuân	Thái	29-9-1993		Thanh Hóa			Vắng			
114	NV0373	Thiều Phương	Thảo		02-08-1992	Thanh Hóa			Vắng			
115	NV0375	Trương Thị Phương	Thảo		25-04-1993	Thanh Hóa			Vắng			
116	NV0376	Vũ Cao	Thiên	17-05-1998		Thanh Hóa			Vắng			
117	NV0378	Nguyễn Thị	Thu		19-08-1995	Thanh Hóa			Vắng			
118	NV0383	Đỗ Thị Minh	Thư		17-05-1997	Thanh Hóa			Vắng			
119	NV0384	Trần Thị Minh	Thư		04-4-1998	Thanh Hóa			Vắng			
120	NV0386	Hoàng Thu	Trang		14-07-1991	Thanh Hóa			Vắng			
121	NV0388	Lê Thị Kiều	Trang		23-07-1997	Thanh Hóa			Vắng			
122	NV0391	Phạm Thị Thu	Trang		08-08-1989	Thanh Hóa			Vắng			
123	NV0392	Phùng Thị Hà	Trang		03-11-1999	Thanh Hóa			Vắng			
124	NV0393	Trịnh Quỳnh	Trang		11-02-1994	Thanh Hóa			Vắng			
125	NV0394	Nguyễn Huyền	Trang		20-9-1993	Thanh Hóa			Vắng			
126	NV0396	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang		10-12-1991	Thanh Hóa			Vắng			
127	NV0397	Hoàng Thị Vân	Trang		22-11-1991	Thanh Hóa			Vắng			
128	NV0398	Nguyễn Sơn	Trường	19-8-1993		Thanh Hóa			Vắng			
129	NV0401	Nguyễn Thị	Xuyên		10-05-1991	Thanh Hóa			Vắng			
130	NV0403	Nguyễn Thị	Yên		15-9-1988	Thanh Hóa			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH NAM ĐỊNH												
1	NV0404	Vũ Hữu	Anh	23-12-1999		Nam Định	34/60	29/30	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 01/10/2022
2	NV0405	Nguyễn Tú	Anh		17-08-1994	Nam Định	31/60	Miễn	Đạt			
3	NV0408	Vũ Linh	Chi		18-9-2000	Nam Định	39/60	25/30	Đạt			
4	NV0411	Nguyễn Thùy	Dương		28-9-1993	Nam Định	42/60	Miễn	Đạt			
5	NV0412	Bùi Vũ Việt	Hà	23-01-1996		Nam Định	31/60	24/30	Đạt			
6	NV0413	Ngô Phương	Hà		15-8-2000	Nam Định	37/60	26/30	Đạt			
7	NV0415	Đặng Thị Thu	Hiền		20-10-1996	Nam Định	40/60	26/30	Đạt			
8	NV0419	Đặng Trần Minh	Hùng	07-03-1988		Nam Định	32/60	22/30	Đạt			
9	NV0420	Đỗ Thị	Hương		11-04-1998	Nam Định	31/60	26/30	Đạt			
10	NV0421	Hà Thị	Hương		10-4-1999	Nam Định	37/60	26/30	Đạt			
11	NV0422	Mai Thu	Hương		04-8-1996	Nam Định	32/60	24/30	Đạt			
12	NV0424	Phạm Thị	Liễu		20-4-1998	Nam Định	33/60	24/30	Đạt			
13	NV0425	Nguyễn Thùy	Linh		13-11-1995	Nam Định	39/60	28/30	Đạt			
14	NV0426	Đoàn Thị Thùy	Linh		22-7-1991	Nam Định	38/60	24/30	Đạt			
15	NV0427	Nguyễn Phương	Linh		23-6-1993	Nam Định	36/60	27/30	Đạt			
16	NV0429	Mai Thị	Mến		10-02-1989	Nam Định	34/60	Miễn	Đạt	Bàn 2	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 01/10/2022
17	NV0430	Phạm Ngọc Nguyệt	Minh		14-11-2000	Nam Định	31/60	30/30	Đạt			
18	NV0431	Trần Lê	Minh	03-05-1996		Nam Định	42/60	Miễn	Đạt			
19	NV0432	Nguyễn Quỳnh	Nga		02-10-1996	Nam Định	34/60	28/30	Đạt			
20	NV0433	Trịnh Thị Hồng	Nga		24-01-1991	Nam Định	40/60	29/30	Đạt			
21	NV0434	Nguyễn Thị	Ngà		31-3-1993	Nam Định	33/60	19/30	Đạt			
22	NV0435	Trần Thị	Ngọc		24-01-1990	Nam Định	49/60	29/30	Đạt			
23	NV0439	Nguyễn Thị Thu	Phương		16-4-1998	Nam Định	49/60	24/30	Đạt			
24	NV0440	Nguyễn Thu	Phương		16-12-2000	Nam Định	43/60	27/30	Đạt			
25	NV0441	Lê Thị	Quý		27-9-1995	Nam Định	46/60	24/30	Đạt			
26	NV0442	Nguyễn Mai Ngọc	Quỳnh		19-9-2000	Nam Định	30/60	26/30	Đạt			
27	NV0445	Trần Phương	Thịnh	26-11-1994		Nam Định	40/60	27/30	Đạt			
28	NV0448	Vũ Mạnh	Tiến	24-12-1991		Nam Định	32/60	18/30	Đạt			
29	NV0450	Trần Quang	Trung	14-10-1999		Nam Định	41/60	29/30	Đạt			
30	NV0451	Đặng Hoàng	Tùng	22-3-1995		Nam Định	41/60	19/30	Đạt			
31	NV0455	Hà Hải	Vân		20-11-1995	Nam Định	30/60	24/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
32	NV0406	Phan Mỹ Anh		23-09-1998	Nam Định	27/60	Miễn	Không đạt			
33	NV0407	Nguyễn Thị Anh		28-11-2000	Nam Định	19/60		Không đạt			
34	NV0416	Phạm Thị Hoa		20-03-1991	Nam Định	27/60		Không đạt			
35	NV0418	Nguyễn Thị Hồng		29-03-1994	Nam Định	28/60	21/30	Không đạt			
36	NV0437	Nguyễn Thị Hồng Nhung		29-12-1995	Nam Định	24/60	15/30	Không đạt			
37	NV0444	Trần Thu Thảo		02-11-2000	Nam Định	29/60		Không đạt			
38	NV0447	Lưu Thị Thu Thủy		30-10-1997	Nam Định	29/60	24/30	Không đạt			
39	NV0449	Đoàn Thị Thu Trà		21-02-1996	Nam Định	29/60		Không đạt			
40	NV0452	Trương Văn Tùng	07-4-1998		Nam Định	28/60		Không đạt			
41	NV0409	Nguyễn Phương Dung		20-10-1998	Nam Định			Vắng			
42	NV0410	Hoàng Đức Dũng	11-4-1999		Nam Định			Vắng			
43	NV0414	Trần Ngọc Hải	23-10-1994		Nam Định			Vắng			
44	NV0417	Trần Thị Hoa		24-10-1997	Nam Định			Vắng			
45	NV0423	Nguyễn Quang Huy	10-4-1991		Nam Định			Vắng			
46	NV0428	Trần Thị Hương Ly		29-6-1999	Nam Định			Vắng			
47	NV0436	Đinh Thị Phương Nhung		09-06-1996	Nam Định			Vắng			
48	NV0438	Cao Thị Nhung		06-02-1989	Nam Định			Vắng			
49	NV0443	Nguyễn Thu Thảo		11-3-1993	Nam Định			Vắng			
50	NV0446	Chu Đức Thịnh	13-01-1999		Nam Định			Vắng			
51	NV0453	Bùi Thanh Xuân		21-10-1999	Nam Định			Vắng			
52	NV0454	Phạm Thị Yến		02-10-1997	Nam Định			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
NHNN CHI NHÁNH HƯNG YÊN												
1	NV0456	Ngô Thị Phương	Anh		03-02-1996	Hưng Yên	42/60	27/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 02/10/2022
2	NV0458	Ngô Thanh	Bình	11-10-1983		Hưng Yên	31/60	17/30	Đạt			
3	NV0459	Hoàng Đức	Dũng	11-4-1999		Hưng Yên	37/60	22/30	Đạt			
4	NV0460	Nguyễn Tiến	Dũng	25-5-1994		Hưng Yên	37/60	27/30	Đạt			
5	NV0462	Đinh Hữu	Đạt	22-8-1996		Hưng Yên	36/60	26/30	Đạt			
6	NV0465	Bùi Thu	Hiền		7-10-1991	Hưng Yên	38/60	17/30	Đạt			
7	NV0469	Hoàng Mai	Hương		16-12-1998	Hưng Yên	33/60	27/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 02/10/2022
8	NV0470	Nguyễn Thị	Luyến		19-6-1999	Hưng Yên	32/60	23/30	Đạt			
9	NV0471	Lương Thị Ngọc	Mai		20-7-1999	Hưng Yên	32/60	24/30	Đạt			
10	NV0473	Nguyễn Thị Cẩm	Mi		26-7-1997	Hưng Yên	37/60	26/30	Đạt			
11	NV0476	Đào Đức	Phú	16-10-1995		Hưng Yên	40/60	22/30	Đạt			
12	NV0477	Trần Thị Như	Quỳnh		03-6-1989	Hưng Yên	41/60	27/30	Đạt			
13	NV0478	Trịnh Đức	Thái	12-8-1990		Hưng Yên	47/60	29/30	Đạt			
14	NV0479	Nguyễn Phương	Thảo		30-8-2000	Hưng Yên	35/60	22/30	Đạt			
15	NV0480	Nguyễn Thị	Thảo		10-01-1996	Hưng Yên	41/60	21/30	Đạt			
16	NV0481	Vũ Đức	Thắng	08-8-1990		Hưng Yên	45/60	17/30	Đạt			
17	NV0482	Vũ Thị Minh	Thư		02-10-1990	Hưng Yên	40/60	28/30	Đạt			
18	NV0483	Tạ Ngọc	Trâm		31-10-2000	Hưng Yên	35/60	26/30	Đạt			
19	NV0457	Trần Tuấn	Anh	24-6-1999		Hưng Yên	29/60	16/30	Không đạt			
20	NV0461	Nguyễn Hữu	Dương	21-7-2000		Hưng Yên	26/60	Miễn	Không đạt			
21	NV0468	Cao Nguyễn Thu	Hương		07/9/2000	Hưng Yên	22/60		Không đạt			
22	NV0472	Phạm Văn	Mạnh	07-6-1990		Hưng Yên	24/60	11/30	Không đạt			
23	NV0485	Lê Quang	Vinh	09-10-1990		Hưng Yên	37/60	14/30	Không đạt			
24	NV0463	Nguyễn Thị Thúy	Hà		16/10/2000	Hưng Yên			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
25	NV0464	Nguyễn Thị	Hải		13-9-1999	Hưng Yên			Vắng			
26	NV0466	Bùi Thị	Huệ		18-9-1997	Hưng Yên			Vắng			
27	NV0467	Bùi Thu	Hương		21-6-1997	Hưng Yên			Vắng			
28	NV0474	Nguyễn Thị	My		18-9-1998	Hưng Yên			Vắng			
29	NV0475	Nguyễn Thị Diệu	Ngọc		11-11-1997	Hưng Yên			Vắng			
30	NV0484	Nguyễn Đào Phương	Uyên		24-8-1998	Hưng Yên			Vắng			
31	NV0486	Nguyễn Hà	Vy		25-10-2000	Hưng Yên			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH HẢI PHÒNG												
1	NV0545	Đặng Thị Hải	Anh		25-4-1993	Hải Phòng	42/60	25/30	Đạt	Bàn 1	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Chủ Nhật, ngày 02/10/2022
2	NV0547	Nguyễn Tâm	Anh		26-12-1999	Hải Phòng	38/60	27/30	Đạt			
3	NV0548	Vũ Ngọc	Anh		21-11-1994	Hải Phòng	41/60	21/30	Đạt			
4	NV0550	Nguyễn Thị	Chung		17-02-2000	Hải Phòng	36/60	28/30	Đạt			
5	NV0551	Vũ Lâm	Dũng	05-9-1997		Hải Phòng	40/60	30/30	Đạt			
6	NV0553	Hoàng Thùy	Dương		16-10-1998	Hải Phòng	40/60	26/30	Đạt			
7	NV0555	Trần Tiến	Đạt	25-01-1999		Hải Phòng	38/60	18/30	Đạt			
8	NV0557	Nguyễn Thị	Hà		06-10-1987	Hải Phòng	47/60	Miễn	Đạt			
9	NV0563	Bùi Thị Minh	Huyền		07-01-1997	Hải Phòng	37/60	26/30	Đạt			
10	NV0564	Nguyễn Thanh	Huyền		31-12-1996	Hải Phòng	44/60	29/30	Đạt			
11	NV0565	Nguyễn Thị	Huyền		16-7-1987	Hải Phòng	45/60	22/30	Đạt			
12	NV0566	Vũ Thị	Huyền		04-01-1994	Hải Phòng	43/60	27/30	Đạt			
13	NV0567	Vũ Thu	Huyền		26-6-1987	Hải Phòng	44/60	28/30	Đạt			
14	NV0568	Phạm Lê Việt	Hưng	31-01-1994		Hải Phòng	33/60	15/30	Đạt			

880

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
15	NV0574	Nguyễn Quang	Linh	17-9-1994		Hải Phòng	42/60	28/30	Đạt	Bàn 1	Ca 2 từ 09h00 - 11h30	Chủ Nhật, ngày 02/10/2022
16	NV0575	Phan Vũ Nhật	Linh		22-9-1998	Hải Phòng	42/60	25/30	Đạt			
17	NV0577	Đào Văn	Nam	20-9-1997		Hải Phòng	37/60	20/30	Đạt			
18	NV0578	Nguyễn Thị Việt	Nhi		08-9-1995	Hải Phòng	47/60	19/30	Đạt			
19	NV0579	Phạm Thị	Nhung		24-8-1994	Hải Phòng	42/60	20/30	Đạt			
20	NV0581	Trịnh Hồng	Ngọc		19-01-1998	Hải Phòng	30/60	25/30	Đạt			
21	NV0582	Trương Thị Bích	Ngọc		07-02-1987	Hải Phòng	48/60	29/30	Đạt			
22	NV0583	Nguyễn Thị	Phương		10-6-1989	Hải Phòng	33/60	23/30	Đạt			
23	NV0585	Phạm Đỗ Thanh	Phương		07-7-1998	Hải Phòng	41/60	20/30	Đạt			
24	NV0587	Vũ Mai	Phương		30-01-1997	Hải Phòng	33/60	28/30	Đạt			
25	NV0588	Phùng Trần	Phượng		16-12-1987	Hải Phòng	38/60	22/30	Đạt			
26	NV0590	Vũ Thị Phương	Thảo		25-9--1998	Hải Phòng	43/60	25/30	Đạt			
27	NV0591	Nguyễn Minh	Thịnh	13-10-1987		Hải Phòng	50/60	26/30	Đạt			
28	NV0592	Đào Thị Thu	Thùy		19-01-2000	Hải Phòng	47/60	21/30	Đạt			
29	NV0594	Nguyễn Thị Hoài	Thu		18-5-1991	Hải Phòng	40/60	23/30	Đạt	Bàn 1	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 02/10/2022
30	NV0595	Đỗ Thị	Trang		27-02-1992	Hải Phòng	43/60	21/30	Đạt			
31	NV0596	Nguyễn Thị Thu	Trang		26-3-1987	Hải Phòng	46/60	26/30	Đạt			
32	NV0597	Trần Thị Đoan	Trang		04-10-1979	Hải Phòng	38/60	Miễn	Đạt			
33	NV0598	Trần Thị Như	Trang		29-3-1982	Hải Phòng	40/60	28/30	Đạt			
34	NV0602	Trần Anh	Văn	17-9-1998		Hải Phòng	42/60	25/30	Đạt			
40	NV0558	Nguyễn Thị Minh	Hà		28-6-1997	Hải Phòng	26/60	22/30	Không đạt			
48	NV0572	Đặng Thị Bích	Hường		26-5-1997	Hải Phòng	28/60	16/30	Không đạt			
53	NV0586	Phùng Thị Thu	Phương		01-9-1985	Hải Phòng	35/60	13/30	Không đạt			
56	NV0599	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm		17-01-1996	Hải Phòng	23/60	25/30	Không đạt			
57	NV0600	Đỗ Thanh	Tú	13-11-1990		Hải Phòng	37/60	14/30	Không đạt			
25	NV0546	Trần Thị Phương	Anh		30-11-1994	Hải Phòng			Vắng			

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
36	NV0549	Dương Thị Quỳnh Chi		12-4-1997	Hải Phòng			Vắng			
37	NV0552	Đặng Thùy Dương		05-10-1995	Hải Phòng			Vắng			
38	NV0554	Phạm Thị Thùy Dương		25-01-1993	Hải Phòng			Vắng			
39	NV0556	Nguyễn Nữ Hương Giang		07-8-1984	Hải Phòng			Vắng			
41	NV0559	Trần Thị Thu Hằng		07-9-1994	Hải Phòng			Vắng			
42	NV0560	Lê Thị Thu Hiền		08-12-1997	Hải Phòng			Vắng			
43	NV0561	Vũ Thị Hòa		23-01-1998	Hải Phòng			Vắng			
44	NV0562	Hoàng Như Hữu	25-02-1998		Hải Phòng			Vắng			
45	NV0569	Bế Thị Hương		15-01-1998	Hải Phòng			Vắng			
46	NV0570	Lương Thị Thanh Hương		17-11-1992	Hải Phòng			Vắng			
47	NV0571	Phạm Thị Thu Hương		27-03-1989	Hải Phòng			Vắng			
49	NV0573	Nguyễn Văn Khải	30-7-1991		Hải Phòng			Vắng			
50	NV0576	Nguyễn Thị Minh		01-6-1985	Hải Phòng			Vắng			
51	NV0580	Bùi Thị Kim Ngân		01-10-1993	Hải Phòng			Vắng			
52	NV0584	Nguyễn Thu Phương		26-01-2000	Hải Phòng			Vắng			
54	NV0589	Phạm Thanh Tâm		22-01-1999	Hải Phòng			Vắng			
55	NV0593	Đặng Thị Thu Thủy		20-7-2000	Hải Phòng			Vắng			
58	NV0601	Đặng Thị Thanh Tuyền		02-11-1997	Hải Phòng			Vắng			
59	NV0603	Bùi Hải Yến		06-8-1995	Hải Phòng			Vắng			
60	NV0604	Nguyễn Thị Yến		28-9-1994	Hải Phòng			Vắng			

NHNN CHI NHÁNH HÀ NAM

1	NV0605	Phạm Ngọc Chính		21-01-1999	Hà Nam	33/60	27/30	Đạt	Bàn 1	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 01/10/2022
2	NV0607	Nguyễn Đức Dũng	08-09-1994		Hà Nam	45/60	25/30	Đạt			
3	NV0608	Vũ Tiến Đạt	16-09-2000		Hà Nam	38/60	19/30	Đạt			
4	NV0609	Lương Thị Thu Hà		16-07-1998	Hà Nam	30/60	23/30	Đạt			
5	NV0611	Lê Đỗ Khánh Linh		02-10-1999	Hà Nam	43/60	23/30	Đạt			
6	NV0612	Trần Thị Thanh Ngân		29-11-2000	Hà Nam	37/60	28/30	Đạt			
7	NV0613	Nguyễn Phương Nhung		24-09-1999	Hà Nam	36/60	27/30	Đạt			
8	NV0615	Đỗ Thị Huyền		05-11-1988	Hà Nam	40/60	25/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
9	NV0606	Trần Đồng	Chinh	07-10-1999		Hà Nam	28/60		Không đạt			
10	NV0614	Nguyễn Phương	Trâm		29-09-1999	Hà Nam	25/60		Không đạt			
11	NV0610	Nguyễn Thu	Hiền		24-08-1991	Hà Nam			Vắng			
NHNN CHI NHÁNH NINH BÌNH												
1	NV0616	Lê Phương	Anh		03-02-1997	Ninh Bình	40/60	25/30	Đạt	Bàn 2	Ca 2 từ 09h00 - 11h30	Chủ Nhật, ngày 02/10/2022
2	NV0617	Dương Văn Lan	Anh		03-10-1991	Ninh Bình	49/60	28/30	Đạt			
3	NV0618	Nguyễn Thị Lan	Anh		07-04-1995	Ninh Bình	44/60	21/30	Đạt			
4	NV0620	Nguyễn Thị Lan	Anh		28-11-1993	Ninh Bình	38/60	28/30	Đạt			
5	NV0621	Vũ Thị Lan	Anh		17-08-1990	Ninh Bình	30/60	20/30	Đạt			
6	NV0623	Hoàng Linh	Chi		02-09-1999	Ninh Bình	31/60	25/30	Đạt			
7	NV0628	Nguyễn Thái	Hà	16-12-1993		Ninh Bình	32/60	20/30	Đạt			
8	NV0629	Bùi Thị Hồng	Hà		27-12-1990	Ninh Bình	47/60	19/30	Đạt			
9	NV0630	Trịnh Thị	Hằng		11-09-1998	Ninh Bình	31/60	25/30	Đạt			
10	NV0631	Nguyễn Thị	Hạnh		02-08-1990	Ninh Bình	37/60	24/30	Đạt			
11	NV0632	Hoàng Mai	Hiền		25-07-1980	Ninh Bình	46/60	Miễn	Đạt	Bàn 2	Ca 3 từ 13h00 - 15h30	Chủ Nhật, ngày 02/10/2022
12	NV0635	Nguyễn Huy	Hoàng	07-02-2000		Ninh Bình	40/60	24/30	Đạt			
13	NV0636	Nguyễn Thanh	Hồng		02-12-1998	Ninh Bình	44/60	29/30	Đạt			
14	NV0638	Ngô Long Phúc	Hung	10-02-2000		Ninh Bình	39/60	22/30	Đạt			
15	NV0642	Đinh Thị	Huyền		30-09-1995	Ninh Bình	38/60	17/30	Đạt			
16	NV0644	Trịnh Thị Hương	Lan		09-12-1995	Ninh Bình	43/60	28/30	Đạt			
17	NV0645	Phạm Phương	Lan		24-04-1999	Ninh Bình	32/60	22/30	Đạt			
18	NV0646	Đinh Thị Mỹ	Linh		17-12-1996	Ninh Bình	32/60	22/30	Đạt			
19	NV0650	Nguyễn Tuấn	Minh	26-08-1999		Ninh Bình	36/60	28/30	Đạt			
20	NV0652	Vũ Thị	Ngọc		03-11-1992	Ninh Bình	53/60	27/30	Đạt			
21	NV0653	Phạm Thị	Nguyệt		10-08-1992	Ninh Bình	54/60	22/30	Đạt			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
							Kiến thức chung	Tiếng Anh				
22	NV0656	Phạm Thị	Phượng		29-11-1992	Ninh Bình	38/60	21/30	Đạt	Bàn 2	Ca 4 từ 15h00 - 17h30	Chủ Nhật, ngày 02/10/2022
23	NV0657	Tạ Văn	Quyền	20-11-1995		Ninh Bình	44/60	17/30	Đạt			
24	NV0660	Phạm Phương	Thảo		26-09-2000	Ninh Bình	44/60	26/30	Đạt			
25	NV0662	Hoàng Thị	Thơ		07-07-1990	Ninh Bình	47/60	24/30	Đạt			
26	NV0665	Tổng Mạnh	Tiến	30-05-1994		Ninh Bình	44/60	21/30	Đạt			
27	NV0667	Nguyễn Thị Huyền	Trang		11-10-1999	Ninh Bình	41/60	22/30	Đạt			
28	NV0668	Phạm Thị	Trang		13-08-1992	Ninh Bình	53/60	28/30	Đạt			
29	NV0669	Trần Anh	Tuấn	19-06-1998		Ninh Bình	39/60	17/30	Đạt			
30	NV0670	Bùi Văn	Tuấn	27-07-1995		Ninh Bình	32/60	15/30	Đạt			
31	NV0671	Phạm Mai	Uyên		01-02-2000	Ninh Bình	44/60	26/30	Đạt			
32	NV0625	Phạm Đoàn Hương	Giang		09-09-2000	Ninh Bình	28/60	13/30	Không đạt			
33	NV0658	Đào Diễm	Quỳnh		23-06-2000	Ninh Bình	23/60		Không đạt			
34	NV0666	Lê Xuân	Tiến	16-07-1998		Ninh Bình	24/60		Không đạt			
35	NV0619	Phạm Thị Vân	Anh		03-05-1996	Ninh Bình			Vắng			
36	NV0622	Lã Thị Ngọc	Ánh		15-05-1988	Ninh Bình			Vắng			
37	NV0624	Lê Anh	Đức	21-12-2000		Ninh Bình			Vắng			
38	NV0626	Đường Hoàng	Giang	06-03-1993		Ninh Bình			Vắng			
39	NV0627	Hoàng Thị Nguyệt	Hà		06-05-1999	Ninh Bình			Vắng			
40	NV0633	Bùi Hoàng	Hiệp	26-11-1996		Ninh Bình			Vắng			
41	NV0634	Dương Mỹ	Hoa		11-12-1997	Ninh Bình			Vắng			
42	NV0637	Phạm Thị Thúy	Huệ		06-07-1991	Ninh Bình			Vắng			
43	NV0639	Đinh Thị	Hương		22-09-1990	Ninh Bình			Vắng			
44	NV0640	Ngô Hà	Hương		29-11-1997	Ninh Bình			Vắng			
45	NV0641	Lê Tuấn	Huy	16-05-1999		Ninh Bình			Vắng			
46	NV0643	Đỗ Thị Ngọc	Khánh		19-04-1996	Ninh Bình			Vắng			
47	NV0647	Tô Khánh	Linh		13-10-1994	Ninh Bình			Vắng			

11/10/2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
						Kiến thức chung	Tiếng Anh				
48	NV0648	Phạm Thị Thùy Linh		18-12-1997	Ninh Bình			Vắng			
49	NV0649	Nguyễn Phú Minh	25-10-2000		Ninh Bình			Vắng			
50	NV0651	Lại Thị Anh Minh		14-05-1987	Ninh Bình			Vắng			
51	NV0654	Hoàng Trang Nhung		02-01-1998	Ninh Bình			Vắng			
52	NV0655	Trần Hoàng Oanh		04-01-1987	Ninh Bình			Vắng			
53	NV0659	Đinh Thị Phương Thanh		18-09-1987	Ninh Bình			Vắng			
54	NV0661	Vũ Quang Thịnh	01-04-1999		Ninh Bình			Vắng			
55	NV0663	Nguyễn Minh Thọ	23-11-1996		Ninh Bình			Vắng			
56	NV0664	Hoàng Quyết Tiến	21-03-1998		Ninh Bình			Vắng			

NHNN CHI NHÁNH THÁI BÌNH

1	NV0672	Đỗ Ngọc Anh		28-6-1999	Thái Bình	39/60	28/30	Đạt	Bàn 2	Ca 1 từ 07h00 - 09h30	Chủ Nhật, ngày 02/10/2022
2	NV0673	Đỗ Quỳnh Anh		19-3-1998	Thái Bình	45/60	28/30	Đạt			
3	NV0675	Nguyễn Ngọc Diệp		03-5-1998	Thái Bình	40/60	30/30	Đạt			
4	NV0676	Nguyễn Thu Hà		28-10-2000	Thái Bình	41/60	22/30	Đạt			
5	NV0677	Vũ Thị Thu Hà		22-12-1994	Thái Bình	38/60	18/30	Đạt			
6	NV0680	Nguyễn Trần Hùng	31-5-1996		Thái Bình	33/60	Miễn	Đạt			
7	NV0681	Đồng Thị Thu Liên		07-10-1998	Thái Bình	38/60	19/30	Đạt			
8	NV0682	Đặng Thị Ngoan		28-02-1995	Thái Bình	34/60	18/30	Đạt			
9	NV0684	Vũ Thị Sáu		05-12-1989	Thái Bình	38/60	22/30	Đạt			
10	NV0685	Bùi Thị Minh Thu		05-02-1997	Thái Bình	31/60	21/30	Đạt			
11	NV0686	Phạm Thị Kim Thư		25-10-1999	Thái Bình	33/60	21/30	Đạt			
12	NV0687	Dương Thị Thu Trang		12-9-1988	Thái Bình	49/60	30/30	Đạt			
13	NV0683	Bùi Thu Phương		09-06-1999	Thái Bình	26/60	28/30	Không đạt			
14	NV0674	Tạ Thị Ngọc Ánh		13-4-2000	Thái Bình			Vắng			
15	NV0678	Vũ Phương Hạnh		15-10-1991	Thái Bình			Vắng			
16	NV0679	Trịnh Thu Hòa		05-01-2000	Thái Bình			Vắng			